

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HSPT

Ngày 09 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Bằng

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M, Trần Quang M1 do có kháng cáo của các bị cáo - Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M và bị hại - ông Nguyễn Ngọc B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HSST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1. Các bị cáo kháng cáo:

1.1 Lưu Đức H, sinh năm 1972, tại huyện H1, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn H2, xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông Lưu Đức K và bà Đinh Thị H3 (đều đã chết); vợ là bà Nguyễn Thị B1. Có 02 con, con lớn đã chết, con nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

1.2 Lê Quý D, sinh năm 1999, tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn C, xã B2, huyện H1, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Đăng D1 và bà Lưu Thị L; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

1.3 Trần Huy M, sinh năm 1994, tại huyện H1, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn C1, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Trần Huy V và bà Nguyễn Thị L1; vợ là Phạm Thị D2. Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Bị cáo bị kháng cáo: Trần Quang M1, sinh năm 1995, tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: thôn M2, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. Bị hại:

3.1 Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn H2, xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

3.2 Anh **Trần Huy M**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn C1, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Thái Bình

3.3 Anh **Trần Quang M1**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn M2, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam

(Những người bị hại có mặt tại phiên tòa)

4. Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Phạm H4 và Luật sư Lưu Văn L2 - thuộc Văn phòng Luật sư Phạm H4 và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

5. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại - ông Nguyễn Ngọc B: Luật sư Lưu Văn L2 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phạm H4 và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

(Luật sư H4, luật sư L2 có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có các bị cáo: Lê Ngọc T3, Nguyễn Văn H5, Đinh Đại P1, Lê Văn Q, Trần Đức K1, Đào Văn K2, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thành L3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Ngọc N, ông Lưu Đức T4,

anh Lưu Đức T5, anh Lưu Đức H6, ông Lưu Đức T6, anh Phan Duy T7 không có kháng cáo, không bị kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Ngọc N là chủ quán Trà Chanh 198 ở xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Do có mâu thuẫn từ trước giữa Nguyễn Văn H5, Lê Quý D với anh N nên khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/7/2020, H5 và D đã gặp Lê Ngọc T3, Trần Quang M1, Nguyễn Văn Đ2, Trần Đức K1, Đào Văn K2 tại xã D3, huyện H1. D nói cho T3 biết việc mâu thuẫn với anh N. Sau đó mọi người về nhà trọ của T3 ở xã H7, huyện H1, ngồi được một lúc thì H5, D nói đi đến quán của anh N thì T3 nói cứ ở đây, T3 sẽ cho người xuống giải quyết, sau đó T3 bảo M1 và K1 đến quán của anh N, mục đích cản trở việc kinh doanh của anh N và có vấn đề gì thì gọi cho T3. D đã chở M1 và K1 đến quán của anh N, trên đường đi D có gọi cho Lê Văn Q đến quán anh N để ngồi cùng với M1, K1; trong lúc đó thì T3 gọi điện bảo Nguyễn Văn Đ2 xuống quán anh N để ngồi cùng với M1, K1. Sau khi đưa M1, K1 đến quán anh N xong thì D quay về gặp T3 và cùng với T3, H5 đến xã Đ1 gặp Đinh Đại P1, Trần Huy M, Nguyễn Thành L3. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì T3, H5, D, P1, L3, M về lại nhà trọ của T3.

Tại quán Trà Chanh 198, anh N thấy Q, M1, K1 ngồi đã lâu và có biểu hiện cản trở việc kinh doanh của mình nên anh N đã thông báo cho bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc B. Ông B đã thông báo cho Lưu Đức H, ông Lưu Đức T6, anh Lưu Đức T4, anh Lưu Đức H6 nhờ những người này đến quán của N để can ngăn nếu có đánh nhau, những người này nhất trí. Khi đi H có mang theo con dao bầu, dài 27cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại dài 14,5cm, sắc nhọn, bản rộng nhất 4,5cm, giấu vào túi quần. Trên đường đi thì anh H6 có gặp và rủ anh Lưu Đức T5 cùng đi.

Lúc này tại nhà trọ của T3 thì D nhận được tin nhắn của Q, còn T3 nhận được điện thoại của M1 đều có nội dung “người nhà của anh N đến đông và có mang theo dao”. T3 bảo với K2 mang “đồ” đi, K2 đã lấy khoảng 03 đến 04 đoạn tuýp sắt, dài khoảng 01 mét, hai đầu tày đem xuống đưa cho M1 tuýp, còn lại K2 bỏ vào bao tải rồi cùng T3, H5, D, P1, L3, M cùng đến quán của anh N. Trên đường đi T3 đã vào nhà anh H8 mượn 01 thanh kiếm (bằng kim loại, dài khoảng 90cm, chỗ rộng nhất khoảng 02cm đựng trong vỏ gỗ màu đen) và tự lấy 01 dao (loại dao mèo bằng kim loại, dài khoảng 50cm, chỗ rộng nhất khoảng 02cm) đưa cho D. Khi đến quán của anh N thì T3, H5, D, P1, K1, K2, Q, Đ2, M1, Huy M, L3 đứng trước cửa quán; H5 nói với mọi người “Anh em mang đồ giấu đi không người nhà anh N nhìn thấy”; K1, K2 thu tuýp sắt, dao mèo bỏ vào bao và cùng H5, M1 mang cất giấu tại ngã tư nút giao thông giữa đường Thái Hà với đường

ĐT 455 cách quán của anh N khoảng 320 mét thì gặp Nguyễn Xuân Đ3, H5 nói “Em ở đây trông đồ, khi nào anh gọi thì mang vào”. Lúc này T3 có nhận được điện thoại của khách nên bảo K2 đi về trước và có anh Đ4, anh L4 đi qua rồi vào quán anh N can ngăn, cả nhóm của T3 đi vào cùng, khi mọi người đang nói chuyện thì Huy M cầm ghế nhựa của quán đập 02 nhát vào đầu anh N, H liền đứng dậy, lấy dao bầu ở túi quần mang theo, cầm bằng tay phải đâm về phía Huy M, T3 gạt tay H, đập vào bụng H, H cầm dao đâm về phía T3 nhưng không trúng, nhìn thấy Huy M tiếp tục cầm ghế nhựa đánh mình nên H đâm một nhát trúng ngực phải Huy M làm rách da, chảy máu, lúc này ông T6 cầm ghế đuổi đánh nhóm T3, do nhìn nhầm nên H đã đâm 01 nhát trúng tay phải làm ông T6 bị thương, chảy máu; T3 chạy sang bên đường đối diện cầm kiếm cất giấu trước đó quay lại, thấy ông B cầm 01 vật (không xác định) chạy về phía mình nên T3 chém 01 nhát nhưng không trúng, ông B bỏ chạy thì T3 đuổi theo chém 01 nhát trúng mu bàn tay trái ông B làm ông B bị thương chảy máu; M1 cầm 01 đoạn gậy tre dài khoảng 01 mét vụt về phía người nhà anh N nhưng không trúng ai thì H chạy đến đâm 01 nhát trúng vào vùng lưng bên phải M1, con dao còn găm trên lưng M1.

Quá trình xô xát, Q cầm gậy tre dài khoảng 01 mét vụt vào lưng ông B, D nhặt 02 viên đá màu xám to bằng nắm tay có đưa cho H5 01 viên và ném về phía người nhà anh N, Đ2 cầm ghế nhựa ném về phía người nhà anh N, K1 cầm chân bàn uống nước ném về phía người nhà anh N, anh N cầm ghế nhựa, vỏ thùng sơn ném về phía T3, anh Lưu Văn T4 cầm điều cày bằng tre vụt vào lưng H5, anh Lưu Đức T5 cầm ghế nhựa ném về phía P1, anh Lưu Đức H6 cầm gậy bóng chày màu đen bằng kim loại vụt về phía P1. Những hành vi trên không gây thương tích cho ai.

Bản kết luận giám định về pháp y về thương tích số 106/20TgT ngày 15/7/2020 và Bản kết luận giám định về thương tích bổ sung số 166/20/TgT ngày 15/9/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Thái Bình kết luận thương tích của ông Nguyễn Ngọc B: Tại bàn tay trái phía mu và rìa đốt 1 ngón II có sẹo. Sẹo dính da, gân, xương, hạn chế vận động gấp và đuổi khớp đốt bàn ngón II, khớp đốt 1,2 ngón II tay trái. Còn sung nề và rối loạn cảm giác. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung là 18%.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 4555/C09-TT1 ngày 27/7/2020 và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 6206/C09 TT1 ngày 18/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đối với thương tích của Trần Quang M1: Sẹo nằm dọc kích thước trung bình vùng thắt lưng – mạn sườn phải: 02%; Sẹo nằm chéo kích thước lớn vùng thắt lưng – mạn sườn phải: 03%; 02 sẹo dẫn lưu, mỗi vết: 01%; Khâu vết thương thận phải, chức năng thận bình thường: 16%; Tổn thương tĩnh mạch chậu phải, đã khâu: 11%; Gãy xương sườn 11 bên phải, can tốt: 02%; Tổn thương màng phổi phải đã phẫu

thuật, không để lại di chứng: 03%. Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Quang M1 qua 02 lần giám định tại thời điểm giám định bổ sung là 34%.

Bản kết luận giám định về pháp y về thương tích số 111/20TgT ngày 16/7/2020 và Bản kết luận giám định về thương tích bổ sung số 167/20/TgT ngày 16/9/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Bình đối với thương tích của Trần Huy M: Thương tích vùng ngực phải do vật sắc nhọn tác động làm thấu nhu mô phổi phải, gãy bờ dưới xương đòn phải, rách da và tổ chức dưới da vùng ngực phải. Đã được xử trí: Mổ xử lý vết thương thấu phổi phải, thuốc kháng sinh, giảm đau. Hiện tại phổi không có gì bất thường. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung là 15%.

Bản kết luận giám định số 5817/C09-P6 ngày 10/9/2020; số 6453/C09-P6 ngày 09/10/2020 và Bản kết luận giám định bổ sung số 467/C09-P6 ngày 28/01/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy các file video gửi giám định bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Đã mô tả đặc điểm, diễn biến hành vi của các đối tượng trong file video gửi giám định. Nội dung chi tiết được thể hiện trong bản ảnh kèm theo.

Ông B yêu cầu các bị cáo T3, H5, D, P1, Huy M, M1, Q, K2, Đ2, L3 phải bồi thường cho ông các khoản chi phí gồm: Khám chẩn đoán định hình: 108.000 đồng; Viện phí: 6.121.000 đồng; Ăn uống phục vụ ở viện: 1.000.000 đồng; Bồi dưỡng bác sỹ sau ca mổ: 1.500.000 đồng; Mua 02 hộp sữa sau mổ: 1.400.000 đồng; Về nhà điều trị (Tiêm kháng sinh, mua thuốc bổ, tiếp nước, thay băng): 2.000.000 đồng; Tiền thuê cây 01 mẫu ruộng: 3.000.000 đồng; Đi rút đinh: 6.000.000 đồng; 02 tháng ở nhà không lao động được: 10.000.000 đồng. Tổng cộng là: 31.121.000 đồng.

Trần Quang M1 yêu cầu bị cáo H phải bồi thường các khoản chi phí: Viện phí: 27.690.375 đồng; Tiền ngày công không lao động được trong 21 ngày (07 ngày nằm viện và 14 ngày sau khi ra viện): 200.000 đồng x 21 ngày = 4.200.000 đồng; Tiền công người phục vụ trong 21 ngày (07 ngày nằm viện và 14 ngày sau khi ra viện): 200.000 đồng x 21 ngày = 4.200.000 đồng; Tiền tổn thất về tinh thần: 25.000.000 đồng; Tiền thuê xe cấp cứu từ Thái Bình đi Hà Nội: 2.500.000 đồng; Tiền thuê xe từ Hà Nội về nhà ở Hà Nam: 600.000 đồng. Tổng số tiền là 64.190.375 đồng. Bị cáo H đã bồi thường được số tiền 10.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo H bồi thường tiếp số tiền: 54.190.375 đồng.

Trần Huy M chỉ yêu cầu bị cáo H bồi thường tiền tổn thất về tinh thần số tiền: 10.000.000 đồng, không yêu cầu khoản chi phí nào khác.

Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HSST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tuyên bố các bị cáo Lưu Đức H, Lê

Ngọc T3, Nguyễn Văn H5, Lê Quý D, Đinh Đại P1, Trần Huy M, Trần Quang M1, Trần Đức K1, Lê Văn Q, Đào Văn K2, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thành L3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Đức H 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quý D 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Huy M 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang M1 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Ngọc T3 03 năm tù; Nguyễn Văn H5 02 năm 06 tháng tù; Đinh Đại P1 02 năm 06 tháng tù; Trần Đức K1 01 năm 06 tháng tù; Đào Văn K2 01 năm 06 tháng tù; Nguyễn Văn Đ2 01 năm 06 tháng tù; Lê Văn Q 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Nguyễn Thành L3 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm - về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lưu Đức H phải bồi thường cho Trần Huy M tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là: 5.960.000 đồng và bồi thường cho M1 61.490.375 đồng, đối trừ số tiền đã bồi thường là 10.000.000 đồng, bị cáo H còn phải bồi thường tiếp cho M1 51.490.375 đồng (làm tròn là 51.490.000 đồng).

Buộc các bị cáo Lê Ngọc T3, Nguyễn Văn H5, Lê Quý D, Đinh Đại P1, M, M1, Trần Đức K1, Lê Văn Q, Đào Văn K2, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thành L3 phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc B các khoản chi phí: Tiền viện phí: 6.120.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau phẫu thuật: 1.500.000 đồng; Tiền công không lao động được trong thời gian nằm viện (từ ngày

05/7/2020 đến ngày 09/7/2020): 1.000.000 đồng; Tiền công người phục vụ trong thời gian nằm viện (từ ngày 05/7/2020 đến ngày 09/7/2020): 1.000.000 đồng; Tiền công không lao động được sau khi ra viện là 15 ngày x 200.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tương ứng với 05 tháng lương tối thiểu là 7.450.000 đồng. Tổng cộng 20.070.000 đồng.

Các bị cáo Quân, M1, P1, T3, H5 đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông B cụ thể: Bị cáo Q: 6.200.000 đồng; bị cáo M1: 7.000.000 đồng; bị cáo P1: 1.000.000 đồng; bị cáo T3: 3.000.000 đồng; bị cáo H5: 1.500.000 đồng, tổng cộng 18.700.000 đồng. Buộc bị cáo T3 phải bồi thường tiếp cho ông B 1.370.000 đồng. Tiếp tục quản lý số tiền các bị cáo Q, M1, P1, T3, H5 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn 15 ngày sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M và bị hại - ông Nguyễn Ngọc B có kháng cáo như sau:

Bị cáo Lưu Đức H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh của bị cáo, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo phạm vào tội “Gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không gây thương tích cho Trần Huy M, không chấp nhận bồi thường cho Trần Huy M. Trường hợp Hội đồng xét xử xác định bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Quý D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Huy M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị hại - ông Nguyễn Ngọc B kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo Trần Quang M1 được hưởng án treo và yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại đối với ông. Ngày 28/3/2022, ông B có đơn trình bày nội dung kháng cáo về bồi thường: Ông yêu cầu các bị cáo Lê Quý D, Trần Huy M, Trần Quang M1 phải bồi thường thêm cho ông B số tiền 10.000.000 đồng tiền công không lao động trong 02 tháng (số tiền này không bao gồm 15 ngày tiền công không lao động được mà Tòa sơ thẩm đã tuyên các bị cáo phải bồi thường cho ông). Những khoản tiền ông B đã yêu cầu trong Đơn kháng cáo bao gồm: Đơn thuốc mua ngoài theo chỉ định của bác sĩ điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, điều trị ngoại trú sau khi xuất viện, phẫu thuật bàn tay sau khi xuất viện ông không yêu cầu nữa. Ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh về khoản tiền 10.000.000 đồng ông yêu cầu bồi thường thêm nhưng trên thực tế sau khi xảy ra sự việc, tay ông đã bị ảnh hưởng không thể lao động được như bình thường.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Sau khi các bị cáo T3, Huy M, M1, Q, D, H5, Đ2, K2, K1, P1, L3 đến quán nhà anh N, Huy M đã dùng ghế nhựa đập vào đầu anh N, bị cáo đã dùng dao bầu mang từ nhà theo đâm Huy M nhưng không trúng, sau đó đâm nhầm vào tay anh T6 rồi tiếp tục đâm cắm dao vào lưng bên phải M1 gây thương tích. Bị cáo chỉ gây thương tích cho M1 chứ không gây thương tích cho Huy M. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp nhóm của bị cáo M1 đến đánh anh N và người nhà bị cáo.

Bị cáo Huy M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày bị cáo H là người dùng dao bầu đâm vào ngực phải của Huy M. Thực chất vị trí vết thương của bị cáo ở khu vực ngực phải, phía trên, gần cổ nên trong giai đoạn điều tra có lần bị cáo khai bị thương vào cổ. Hiện nay do sức khỏe còn yếu, bị cáo lại là người khuyết tật nặng (bị mù một mắt), vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc không cho bị cáo M1 hưởng án treo và trình bày yêu cầu kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại của ông như đơn ngày 28/3/2022 ông đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Bị cáo M1 đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đồng thời là bị hại trong vụ án, bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho ai, bị cáo cùng các đồng phạm đã bồi thường cho ông B.

Những người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, xác định bị cáo phạm tội “Gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự, xác định bị cáo không gây thương tích cho Huy M nên không phải bồi thường cho Huy M. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B như ông B trình bày tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M và của bị hại - ông Nguyễn Ngọc B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Bị cáo D, Huy M, M1 không tranh luận và nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Bị cáo H tranh luận: Bị cáo không có ý định từ đầu về việc gây thương tích cho ai, nhưng khi đến quán của N thấy sự việc nhóm của các bị cáo T3 đến đông, đứng vây kín quán của N, Huy M dùng ghế đánh N, nên bị cáo đã gây thương tích cho M1. Hiện nay bị cáo bị bệnh, sức khỏe yếu, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ông B tranh luận: Đề nghị không cho M1 hưởng án treo và buộc các bị cáo D, Huy M, M1 phải bồi thường thêm ngày công không lao động được cho ông như đơn ông yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M, của bị hại - ông Nguyễn Ngọc B gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo và kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Quý D, Trần Quang M1, Trần Huy M tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo Lê Ngọc T3, Nguyễn Văn H5, Đinh Đại P1, Lê Văn Q, Trần Đức K1, Nguyễn Văn Đ2, Đào Văn K2, Nguyễn Thành L3 trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung thể hiện: Tối ngày 05/7/2020, các bị cáo cùng đến quán Trà Chanh 198 của anh Nguyễn Ngọc N để giải quyết mâu thuẫn giữa bị cáo H5, D với anh N từ trước, khi đi có mang theo tuýp sắt, kiếm và dao mục đích đề phòng nếu có xảy ra đánh nhau. Khi đến quán nhà anh N thì H5, K1, K2, Q mang tuýp sắt, dao, kiếm đi cất giấu (cách quán của anh N khoảng 320m). Sau đó các bị cáo T3, H5, D, P1, Q, M1, Huy M, K1, Đ2 vào quán của anh N, không mang theo hung khí gì. Quá trình hai bên nói chuyện dẫn đến xô xát, đánh nhau, các bị cáo mới chạy đi lấy kiếm, tuýp sắt để đánh nhau, trong đó các bị cáo Huy M, M1, H5, Q, D, Đ2, K1, P1 dùng ghế nhựa, chân bàn uống nước, gậy tre, tuýp sắt, đá để đánh nhau với anh N và người nhà anh N nhưng không gây thương tích cho ai. Trong lúc đánh nhau thì Huy M bị H dùng dao bầu đâm vào ngực phải, T3 đã dùng kiếm chém vào mu bàn tay trái của ông B, M1 bị H dùng dao bầu đâm vào lưng.

Bị cáo H không thừa nhận hành vi gây thương tích cho Huy M, nhưng với các chứng cứ như:

Biên bản lấy lời khai, bản tự khai của bị cáo H (bút lục số 752-755, 576, 577, 770) bị cáo H đều trình bày: Khi thấy Huy M dùng ghế nhựa đánh N thì bị cáo đã lấy dao bầu mang ở nhà đi khua - đâm về phía Huy M ngang tầm mắt, nếu trúng thì khả năng vào khu vực vai - cổ - ngực vì lúc này H và Huy M đứng đối diện với nhau. Bút lục 760-763 bị cáo H khai phía bên người nhà ông B, ngoài bị cáo mang theo dao bầu thì không ai mang theo dao hay hung khí đến quán anh N. Lời khai của bị cáo T3 (bút lục 808-811): Khi M (né) đập ghế vào đầu N thì có người đàn ông trung tuổi rút dao nhọn dài khoảng 30cm lao về phía M đâm Huy M. Lời khai bị cáo H5 khai (bút lục 781-783): M (né) cầm ghế nhựa đập vào đầu N, người đàn ông trung tuổi mặc quần soóc, áo phông sáng màu cầm dao bầu nhọn đâm M thì T3 gạt dao và dùng chân đá vào bụng người này, người này dùng dao đâm T3 nhưng không trúng, M tiếp tục cầm ghế đập vào người đàn ông cầm dao, người đó cầm dao đâm về phía M trong tư thế đứng đối diện, không rõ có trúng vào người M không. Bản tự khai của P1 (bút lục 950): M cầm ghế nhựa ở quán đập vào đầu N, trong nhóm N có một người đàn ông trung tuổi cầm dao bầu trên tay chạy đến chỗ M đâm về hướng ngực M. Bản tự khai D (bút lục 1001-1003, 1004-1005, 1006-1007; 1010-1012): Một người bạn của P1 dùng ghế đập vào đầu N, người đàn ông trung tuổi bên nhà N, trên tay có cầm dao bầu và đâm về phía ngực bạn P1 (người đập ghế vào đầu N), D đứng cách 01 mét nên nhìn rất rõ. Huy M khai: Sau khi bị cáo dùng ghế nhựa đánh vào đầu anh N thì bị H dùng dao bầu đâm trúng ngực phải, thấy rách da chảy máu nên bị cáo chạy về phía L3 và được L3 đưa đi bệnh viện cấp cứu, không có ai dùng dao lúc xảy ra đánh nhau, chỉ duy nhất H là người cầm dao đâm một nhát vào ngực bị cáo (bút lục số 1140-1163). Người làm chứng - anh Đ4 khai: Khi Huy M đánh anh N thì H cầm dao bầu đâm về phía ngực Huy M, trong tư thế đối diện, cách nhau khoảng 01 mét (dao dài khoảng 30cm), lúc này ánh sáng và khoảng cách gần (anh đứng cách 2-2,5m) nên anh nhìn rất rõ, sau khi bị H đâm về phía ngực thì Huy M chạy sang phía vỉa hè đối diện quán anh N, H có đuổi theo nhưng anh ngăn lại (bút lục số 1402-1405; 1406-1409; 1463).

Với các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khi nhóm bị cáo T3 đến quán của anh N, các bị cáo này không mang theo dao, kiếm và hung khí khác vào quán mà cất dấu bên ngoài khu vực quán, chỉ khi hai bên nói chuyện rồi xảy ra xô xát, đánh nhau, Huy M dùng ghế nhựa của quán đánh anh N, H rút dao đâm Huy M thì nhóm bị cáo T3 mới chạy ra lấy kiếm và các hung khí khác mang vào quán sử dụng để đánh nhau. Bị cáo H, ông B và những người nhà anh N đều xác định chỉ có bị cáo H mang theo dao đến quán anh N. Huy M bị thương tại thời điểm chỉ có bị cáo H là người duy nhất sử dụng dao để đánh nhau. Bị cáo H có nhiều lời khai tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thừa nhận thực hiện hành vi dùng dao đâm về phía Huy M. Người bào chữa cho bị cáo H cho rằng trong biên bản nhận diện, Huy M khai bị H dùng

dao đâm vào cổ chứ không khai đâm vào ngực, tuy nhiên, tài liệu điều tra thể hiện Huy M chỉ bị một vết thương duy nhất ở trên ngực phải, như vậy lời trình bày của Huy M tại biên bản nhận diện không làm thay đổi bản chất việc Huy M bị thương ở ngực phải. Bản án sơ thẩm xác định H là người dùng dao gây thương tích cho Huy M một vết thương vào vùng ngực phải với tỷ lệ tổn thương cơ thể 15% là có căn cứ.

Ngoài ra bị cáo H còn có hành vi dùng dao đâm vào lưng M1 gây thương tích 34%, bị cáo T3 có hành vi dùng kiếm chém vào mu bàn tay trái của ông B gây thương tích 18%.

Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Lưu Đức H đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự). Hành vi của bị cáo Lê Quý D, Trần Huy M, Trần Quang M1 và các đồng phạm Lê Ngọc T3, Nguyễn Văn H5, Đinh Đại P1, Lê Văn Q, Trần Đức K1, Nguyễn Văn Đ2, Đào Văn K2, Nguyễn Thành L3 đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

... ”.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Lưu Đức H:

Đối với kháng cáo của bị cáo H về việc bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích” mà chỉ phạm tội “Gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự, thì thấy: Ông B chỉ nhờ H sang can ngăn nếu xảy ra đánh nhau tại quán của anh N, chứ không nhờ H sang để đánh nhau, tuy nhiên H đã mang theo hung khí là dao bầu, khi thấy Huy M dùng ghế nhựa đánh anh N thì ngay lập tức H rút dao đâm vào ngực Huy M và sau đó đâm tiếp vào lưng M1 khi M1 không đánh H mà chỉ chạy qua trước mặt H, gây tỷ lệ tổn thương cơ thể 34%. Những hành vi đó của H không thuộc trường hợp gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như trình bày của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo H phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với kháng cáo về việc bị cáo không gây thương tích cho Huy M nên không bồi thường cho Huy M: Như đã phân tích, lập luận tại mục [2.1] nêu trên, xác định bị cáo H đã gây thương tích cho Huy M nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại cho Huy M như bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, thì thấy: Bị cáo H dùng dao gây thương tích cho 2 người, trong đó thương tích của M1 34%, tội phạm bị cáo thực hiện là tội rất nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo chỉ thừa nhận gây thương tích cho M1 và bồi thường cho M1 10.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H như: Bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đối với M1, bị cáo có bác ruột và anh trai là liệt sỹ, bị hại có lỗi do gây sự với người nhà bị cáo trước, vì vậy đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án 06 năm tù là phù hợp quy định pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, không có tình tiết nào mới làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Hùng.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Quý D:

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo D không nhận tội. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận tội.

Xét thấy, mặc dù bị cáo D không trực tiếp gây thương tích cho ông B nhưng là D người giúp sức tích cực và có vai trò đồng phạm với bị cáo Tường và các bị cáo khác về tội “Cố ý gây thương tích”, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt D 02 năm 09 tháng tù là có căn cứ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là người đã nói với T3 về mâu thuẫn của bị cáo với anh N, tuy không trực tiếp gây thương tích cho ông B nhưng bị cáo đã tích cực thực hiện các hành vi theo sự chỉ đạo của T3 như chở người và hung khí đến quán anh N, khi xảy ra xô xát đánh nhau, bị cáo đã nhặt gạch đưa cho H5 và sử dụng gạch ném về phía người nhà anh N. Vì vậy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo D.

[2.4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Huy M:

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huy M thành khẩn nhận tội, khai nhận hành vi đã dùng ghế nhựa đập vào đầu anh N, tuy không để lại thương tích và tổn hại sức khỏe cho anh N nhưng hành vi của bị cáo mang tính chất châm ngòi nổ cho sự việc ẩu đả, đánh nhau giữa nhóm các bị cáo và bị cáo H cùng người nhà anh N, dẫn đến hậu quả chính bị cáo cùng M1 và ông B đều bị các bị cáo khác gây thương tích. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật và đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 là có căn cứ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Huy M đã tự nguyện nộp 1.370.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà để bồi dưỡng sức khỏe cho ông B, đồng thời bị cáo xuất trình chứng cứ là xác nhận của UBND xã Đ1, huyện H1 về việc bị cáo là người khuyết tật nặng (bị mù một mắt), điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, bị cáo đồng thời là bị hại trong vụ án. Vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là đúng quy định tại Điều 50 Bộ luật Hình sự và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, vì vậy không chấp kháng cáo của bị cáo Trần Huy M.

[3] Xét kháng cáo của ông Lưu Đức B:

Đối với kháng cáo về việc không cho bị cáo M1 hưởng án treo, thì thấy: Bị cáo M1 tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm thực hành, bị cáo thực hiện sự chỉ đạo của T3, đã đến quán anh N ngồi mục đích cản trở việc kinh doanh của anh N. Khi hai nhóm xảy ra xô xát, đánh nhau, bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho ai và còn bị bị cáo H gây thương tích tổn hại 34% sức khỏe. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông B.

Đối với kháng cáo về việc yêu cầu các bị cáo Lê Quý D, Trần Huy M, Trần Quang M1 phải bồi thường thêm cho ông B số tiền 10.000.000 đồng tiền công không lao động trong 02 tháng (số tiền này không bao gồm 15 ngày tiền công không lao động được mà Tòa sơ thẩm đã tuyên các bị cáo phải bồi thường cho ông). Xét thấy ông B bị thương tích vào bàn tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%, thời gian nhập viện điều trị 05 ngày (từ ngày 05/7/2020 đến ngày 09/7/2020), Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo phải bồi thường cho ông B các khoản gồm viện phí, bồi dưỡng sức khỏe sau phẫu thuật, tiền ngày công không lao động được trong thời gian nằm viện và ngày công không lao động được sau khi xuất viện 15 ngày, tiền bù đắp về tổn thất tinh thần, tổng là 20.070.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và thực tế. Ông B yêu cầu các bị cáo D, Huy M, M1 bồi thường thêm cho ông tiền ngày công không lao động được 10.000.000 đồng, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh, vì vậy không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huy M trình bày bị cáo đã nộp số tiền 1.370.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà mục đích để bồi dưỡng sức khỏe cho ông B. Số tiền này không phải là trách nhiệm bồi thường mà bản án sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo T3 bồi thường tiếp cho ông B. Xét thấy đây là sự tự nguyện của cá nhân bị cáo Huy M đối với ông B, cần chấp nhận.

[4] Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hùng, D, Huy M và bị hại ông Nguyễn Ngọc B.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Kháng cáo của các bị cáo H, D, Huy M không

được chấp nhận nên các bị cáo H, D, Huy M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo H còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M và bị hại - ông Nguyễn Ngọc B. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình về tội danh của bị cáo Lưu Đức H, về phần hình phạt đối với các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M, Trần Quang M1 và trách nhiệm dân sự của bị cáo H đối với Trần Huy M và của các bị cáo Lê Quý D, Trần Quang M1, Trần Huy M đối với ông Nguyễn Ngọc B.

[1.1] Về tội danh: Bị cáo Lưu Đức H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[1.2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Đức H 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quý D 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Huy M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang M1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 01/9/2021 - về tội “Cố ý gây thương tích”.

Giao bị cáo Trần Quang M1 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2015.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[1.3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Lưu Đức H phải bồi thường cho Trần Huy M tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là: 5.960.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Lê Ngọc T3, Nguyễn Văn H5, Lê Quý D, Đinh Đại P1, Trần Huy M, Trần Quang M1, Trần Đức K1, Lê Văn Q, Đào Văn K2, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thành L3 phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc B các khoản chi phí:

+ Tiền viện phí: 6.120.000 đồng;

+ Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau phẫu thuật: 1.500.000 đồng;

+ Tiền công không lao động được trong thời gian nằm viện (từ ngày 05/7/2020 đến ngày 09/7/2020): 1.000.000 đồng;

+ Tiền công người phục vụ trong thời gian nằm viện (từ ngày 05/7/2020 đến ngày 09/7/2020): 1.000.000 đồng;

+ Tiền công không lao động được sau khi ra viện là 15 ngày \times 200.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng;

+ Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần đối với 18% tổn hại sức khỏe tương ứng với 05 tháng lương tối thiểu (1.490.000 đồng/tháng): 5 tháng \times 1.490.000 đồng/tháng là: 7.450.000 đồng.

Tổng cộng 20.070.000 đồng.

Trước khi xét xử các bị cáo Q, M1, P1, T3, H5 đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông B cụ thể: Bị cáo Q: 6.200.000 đồng; bị cáo M1: 7.000.000 đồng; bị cáo P1: 1.000.000 đồng; bị cáo T3: 3.000.000 đồng; bị cáo H5: 1.500.000 đồng, tổng cộng 18.700.000 đồng. Đối trừ với số tiền ông B yêu cầu còn thiếu là 1.370.000 đồng. Do bị cáo T3 là người trực tiếp gây thương tích cho ông B nên buộc bị cáo T3 phải bồi thường tiếp cho ông B số tiền 1.370.000 đồng. Tiếp tục quản lý số tiền các bị cáo Q, M1, P1, T3, H5 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà để đảm bảo thi hành án.

- Ghi nhận việc bị cáo Trần Huy M tự nguyện nộp số tiền 1.370.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để bồi dưỡng sức khỏe cho ông B. Ông B được quyền nhận số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Các bị cáo Lưu Đức H, Lê Quý D, Trần Huy M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Hùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Bị hại - ông Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 09/6/2022./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
- Bị cáo kháng cáo;
- Bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu hành chính tư pháp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình